TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

2. Bà Phạm Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Đài L**, sinh năm 1991. Cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1990. Cư trú: phường B, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Đài L trình bày: Bà và ông Lê Nguyễn Tấn L tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 14/5/2019. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường nhiều xung đột, luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung nên không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021, mạnh ai nấy sống không còn quan

tâm lẫn nhau, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn An K, sinh ngày 10/4/2019 hiện đang ở với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Ông L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà L ly hôn với ông L vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Đài L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Nguyễn Tấn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông L hiện cư trú tại phường B, thành phố B1. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà L xác định không còn tình cảm với ông L, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và người thân vợ chồng bà L, ông L thì cuộc sống cả hai hay có mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà L và ông L đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4]. Bà L và ông L có một con chung tên Lê Nguyễn An K, sinh ngày 10/4/2019. Ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu K là bé gái tuổi còn nhỏ và do bà L đang trực tiếp chăm sóc nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nhất là tâm sinh lý của bé gái phù hợp sự chăm sóc của người mẹ và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu; chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung bà L xác định không có nên Tòa án không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Đài L ly hôn ông Lê Nguyễn Tấn L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn An K, sinh ngày 10/4/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004668 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND P. L, TP. B, T. Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

2. Bà Phạm Thị Tư

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Đài L và bị đơn ông Lê Nguyễn Tấn L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Huế: Thực trạng hôn nhân giữa bà L và ông L thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận cho bà L ly hôn với ông L.

Ý kiến hội thẩm Tư: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Huế và bổ sung thêm ý kiến: Ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Khuê là bé gái tuổi còn nhỏ và do bà L đang trực tiếp chăm sóc nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nhất là tâm sinh lý của bé gái phù hợp sự chăm sóc của người mẹ và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu; chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp quy định của pháp luật. Bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của hai vị Hội thẩm

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2022. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc